

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 607/QĐ-UBND

Phường Bình Định, ngày 01 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố thực hiện dự toán ngân sách
Quý III năm 2024 của Phường Bình Định

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số : 05/NQ-HĐND ngày 19 tháng 07 năm 2024 của HĐND Phường Bình Định khóa XI, kỳ họp thứ 9 Về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách phường Bình Định năm 2024;

Xét đề nghị của Công chức Tài chính – Kế toán UBND phường Bình Định,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách quý III năm 2024 của phường Bình Định (theo các biểu mẫu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Công chức Văn phòng – Thống kê HĐND- UBND phường, Tài chính – Kế toán phường Bình Định tổ chức thực hiện Quyết định này ./.

Nơi nhận:

- UBND thị xã (thay báo cáo);
- Phòng TC – KH thị xã (thay báo cáo);
- TT. Đảng ủy phường (thay báo cáo);
- TT. HĐND phường (thay báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT (được biết);
- Như điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT, TC.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Dũng

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH PHƯỜNG QUÝ III NĂM 2024

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ III	SỐ SÁNH
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	18.812	24.927,16	132,51
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	1.769	376	21,28
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	16.224	16.802	103,56
3	Thu bổ sung	160	1.029	643,25
	- Thu bổ sung cân đối			
	- Thu bổ sung có mục tiêu	160	1.029	643,25
4	Thu chuyển nguồn	659	6.719	
5	Thu kết dư ngân sách năm trước		-	
II	TỔNG SỐ CHI	18.812	15.043,84	79,97
1	Chi đầu tư phát triển	10.000	6.831	68,31
2	Chi thường xuyên	8.438	8.212,99	97,33
3	Dự phòng	374	-	-

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG QUÝ III NĂM 2024

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2024		THỰC HIỆN QUÝ III		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	65.666	18.812	59.531,07	24.927,16	90,66	132,51
I	Các khoản thu 100%	1.769	1.769	748,80	376,42	42,33	21,28
	Phí, lệ phí	89	89	27,11	27,11	30,46	30,46
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	1.000	1.000	312,20	312,20	31,22	31,22
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	100	100	33,11	33,11	33,11	33,11
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định			4,00	4,00		
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
	Thu khác	580	580	372,38		64,20	-
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	63.078	16.224	51.033,92	16.802,38	80,91	103,56
1	Các khoản thu phân chia	3.758	3.758	4.642,76	4.599,26	123,54	122,39
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.090	1.090	1.012,80	1.012,80	92,92	92,92
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	334	334	291,55	248,05	87,29	74,27
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	2.334	2.334	3.338,41	3.338,41	143,03	143,03
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	59.320	12.466	46.391,16	12.203,12	78,20	97,89
	Tiền sử dụng đất	10.000	10.000	11.761,50	10.471,64	117,62	104,72
	Thuế VAT, TNDN	49.320	2.466	34.629,66	1.731,48	70,21	70,21
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	659	659	6.719,16	6.719,16		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước			-			
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	160	160	1.029,19	1.029,19	643	643
	- Thu bổ sung cân đối						
	- Thu bổ sung có mục tiêu	160	160	1.029,19	1.029,19	643	643

Tỉnh : Bình Định
Thị xã :An Nhơn
Phường : Bình Định

Biểu số 115/CK TC-NSNN

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG QUÝ III NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ tài chính)

ĐVT: Tr. đồng

Nội dung	Dự toán năm 2024			Thực hiện quý III			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
1	2	3	4	5	6	7	8=5/2	9=6/3	10=7/4
Tổng số chi	18.812	10.000	8.438	15.043,84	6.830,85	8.212,99	79,97	68,31	97,33
<i>1. Chi cho công tác dân quân tự vệ trật tự an toàn xã hội</i>			1.603			1.154,48			72,02
- Chi dân quân tự vệ			1.368			920,13			67,26
- Chi trật tự an toàn xã hội			235			234,35			99,72
2. Chi giáo dục			10						0,00
<i>3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ</i>			15			8,60			57,33
4. Chi Y tế			20			4,00			20,00
5. Chi văn hóa, thông tin			130			128,27			98,67
6. Chi phát thanh, truyền thanh			69			65,48			94,90
7. Chi thể dục, thể thao			70			33,65			48,07
8. Chi bảo vệ môi trường									
<i>9. Chi các hoạt động kinh tế</i>			654			1.471,14			224,94
- Giao thông			50						0,00
- Nông- lâm-thủy lợi-hải sản			50			4,00			8,00
- Thị chính			268			802,18			299,32
- Thương mại, du lịch									
- Các hoạt động kinh tế khác			286			664,96			232,50
<i>10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể</i>			5.756			5.262,53			91,43
<i>Trong đó : Quỹ lương</i>									
<i>10.1. Quản lý Nhà nước(kể cả HĐND)</i>			3.591			3.250,35			90,51
10.2. Đảng Cộng sản Việt Nam			824			842,81			102,28
10.3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam			399			414,67			103,93
<i>10.4. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM</i>			236			189,57			80,33
10.5. Hội Liên hiệp Phụ nữ			208			190,31			91,50
10.6. Hội Cựu chiến binh			252			168,43			66,84
10.7. Hội Nông dân			197			178,18			90,45
10.8 Các hội đặc thù			49			28,21			57,57
10.9. Chi hỗ trợ khác (nếu có)									
11. Chi cho công tác xã hội			81			79,84			99
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghi việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác									
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa									
- Trợ cấp xã hội									
- Khác			81			79,84			
12. Chi khác			30			5,00			
13. Dự phòng			374	0					0,00